|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **THÀNH PHỐ TRÀ VINH**  Số: /ĐA-UBND  (Dự thảo) | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *TP. Trà Vinh, ngày tháng năm 2020* |

**ĐỀ ÁN**

**Đặt tên Công viên trên địa bàn thành phố Trà Vinh**

**Phần I**

**THỰC TRẠNG VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

- Thành ph ố Trà Vinh là đô thị loại II trực thuộc Tỉnh cơ sở hạ tầng xây dựng đã đưa vào sử dụng, phục vụ Nhân dân; tuy nhiên, tên gọi các công trình công cộng sử dụng theo hồ sơ dự án thi công công trình, công tác quản lý có những khó khăn nhất định.

- Nhằm chỉnh trang diện mạo đô thị thành phố, đặt tên công trình công cộng, tên công viên với mục đích tăng cường quản lý Nhà nước đối với các hoạt động đô thị, thuận lợi trong việc giao dịch, phục vụ các hoạt động văn hóa, xã hội đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hóa dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước, lòng tự hào dân tộc.

- Với ý nghĩa và tầm quan trọng như trên, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh xây dựng Đề án đặt tên công viên trên địa bàn thành phố.

**2. Căn cứ pháp lý xây dựng Đề án**

- Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

- Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP của Chính phủ.

**3.** **Mục tiêu của Đề án**

- Đặt tên công viên trên địa bàn thành phố nhằm để tăng cường công tác quản lý Nhà nước, quản lý đô thị, quản lý hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân sinh hoạt vui chơi giải trí, hưởng thụ văn hóa tinh thần trong đời sống văn hóa - xã hội.

- Tôn vinh các danh nhân, anh hùng dân tộc tiêu biểu, các sự kiện lịch sử, di tích danh lam thắng cảnh..., nhằm giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc qua các thời kỳ..., nâng cao tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, tình đoàn kết dân tộc, đặt tên công viên là nhu cầu tất yếu trong sinh hoạt của người dân và quá trình phát triển đô thị thành phố.

**4.** **Thực trạng công viên thành phố**

Thành phố hiện có hai (02) công viên chính: Công viên thành phố và Công viên tượng đài đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, rèn luyện sức khỏe, sinh hoạt của mọi người dân thành phố. Ngoài hệ thống công viên, thành phố còn có cây xanh ở các tuyến đường, dãy phân cách, bờ kè, sông Long Bình, trường học, trụ sở cơ quan nhà nước tạo một môi trường xanh đặc trưng cho thành phố Trà Vinh.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên công viên** | **Diện tích (ha)** | **Địa chỉ** |
| 1 | Công viên thành phố | 0,607 | Đường Lê Thánh Tôn, Phường 1, thành phố Trà Vinh. |
| 2 | Công viên tượng đài | 1,548 | Đường Võ Nguyên Giáp, Phường 8, thành phố Trà Vinh |

Hiện nay thành phố xây dựng thêm ba (03) công viên đã đi vào hoạt động: Công viên đường Nguyễn Đáng (Trường Quân sự địa phương cũ), Công viên Trung tâm (Sân vận động cũ), Công viên đường Kiên Thị Nhẫn.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên công viên** | **DT (ha)** | **Tổng mức đầu tư**  **(tỷ đồng)** | **Nguồn vốn** | **Địa chỉ** |
| 1 | Công viên Đường Nguyễn Đáng (Trường Quân sự địa phương cũ) | 4,563 | 51,4 | ODA | Đường Nguyễn Đáng, Phường 7, thành phố Trà Vinh |
| 2 | Công viên Trung tâm (Sân vận động cũ) | 2,332 | 25,2 | ODA | Đường Phạm Ngũ Lão, Phường 1, thành phố Trà Vinh |
| 3 | Công viên Đường Kiên Thị Nhẫn | 0,581 | 4,4 | ODA | Đường Kiên Thị Nhẫn, Phường 7, thành phố Trà Vinh |

**Phần II**

**NGUYÊN TẮC ĐẶT TÊN CÔNG VIÊN**

**1. Việc đặt tên công trình công cộng (Công viên) được dựa trên các cơ sở lựa chọn sau**

- Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt.

- Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội.

- Tên di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương và đã được xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hoá.

- Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương.

- Tên danh nhân bao gồm cả danh nhân nước ngoài; danh nhân đó phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như của địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước, có công lớn trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được nhân dân suy tôn và thừa nhận.

- Những nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đặt tên cho công trình công cộng.

**2.** Việc đặt tên công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng, Ủy ban nhân dân tỉnh phải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. Các công trình công cộng khác Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đặt tên hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

**Phần III**

**NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

**1. Quá trình xây dựng Đề án**

- Qua khảo sát, thống kê, thu thập số liệu, diện tích, vị trí và lập danh sách các công viên hiện có, tiện trong sinh hoạt mọi người dân, cần đặt tên từng công viên trên địa bàn thành phố Trà Vinh.

- Trên cơ sở tham gia sinh hoạt của người dân, quy mô công trình, vai trò, ý nghĩa, đặc điểm từng công viên, Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố chủ trì phối hợp với các ngành chức năng dự thảo Đề án đặt tên công viên, dự kiến trình qua hội nghị gồm các ngành, cán bộ hưu trí và Ủy ban nhân dân các phường, xã để tổng hợp ý kiến và điều chỉnh. Sau đó tổ chức công bố để lấy ý kiến rộng rãi trong Nhân dân, tổng hợp, xem xét điều chỉnh. Tổ chức mời Hội đồng tư vấn đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Trà Vinh và các Sở ngành của tỉnh góp ý hoàn chỉnh cho Đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh xem xét.

**2. Các công viên dự kiến đặt tên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên Công viên** | **Diện tích (ha)** | **Tọa lạc** | **Tên dự kiến đặt** |
| 01 | Công viên thành phố | 0,607 | Đường Lê Thánh Tôn, Phường 1, thành phố Trà Vinh | **PA1: Lê Thánh Tông**  **PA2: 2 tháng 9**  **PA3: Mậu Thân** |
| 02 | Công viên tượng đài | 1,548 | Đường Võ Nguyên Giáp, Phường 8, thành phố Trà Vinh | **PA1: 30 tháng 4**  **PA2: Võ Nguyên Giáp** |
| 03 | Công viên Đường Nguyễn Đáng (Trường Quân sự địa phương cũ) | 4,563 | Đường Nguyễn Đáng, Phường  7, thành phố Trà Vinh | **PA1: Nguyễn Đáng**  **PA2: Thanh niên**  **PA3: Kim Đồng** |
| 04 | Công viên Trung tâm thành phố (Sân vận động cũ) | 2,332 | Đường Phạm Ngũ Lão, giáp đường 19 tháng 5, Phường 1, thành phố Trà Vinh | **PA1: Dương Quang Đông**  **PA2: 19 tháng 5**  **PA3: Võ Thị Sáu** |
| 05 | Công viên đường Kiên Thị Nhẫn | 0,581 | Đường Kiên Thị Nhẫn, Phường 7, thành phố Trà Vinh | **PA1: Kiên Thị Nhẫn**  **PA2: Sơn Thông** |

**Phần IV**

**TÓM TẮT TIỂU SỬ CÁC NHÂN VẬT CHÍ VÀ SỰ KIỆN**

**DỰ KIẾN ĐẶT TÊN CÔNG VIÊN**

**1. Công viên thành phố**

**1.1. Vị trí**

Công viên thành phố tọa lạc đường Lê Thánh Tôn, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, với diện tích 0.607 ha.

**1.2. Tóm tắt sự kiện, tiểu sử nhân vật chí dự kiến đặt tên công viên**

**1.2.1. Lê Thánh Tông (1460 - 1497)**

Lê Thánh Tông, tự là Tư Thành, tên húy là Hạo, con trai út của Lê Thái Tông, mẹ là Ngô Thị Ngọc Dao (con gái của Thái bảo Ngô Từ, một công thần khai quốc nhà Lê).

Lê Thánh Tông lên làm vua năm 18 tuổi là đời vua thứ tư của nhà Lê (Hậu Lê), mang các niên hiệu Quang Thuận, Hồng Đức; được các thế hệ xưng tụng là vị vua giỏi.

Tổ chức trị an, cải cách hành chính, chia nước thành 12 đạo, rồi 13 xứ, ổn định hệ thống phủ, huyện, xã, thôn, trang, sách… đặt các bộ, các khoa và các tự trong bộ máy hành chính của triều đình.

Chấn chỉnh võ bị, chia quân thành các phủ, vệ, sở, ban bố điều luật về quân sự, tăng cường luyện tập, quân đội dưới triều Thánh Tông đạt được một số võ công, thu thêm đất đai trong cuộc Nam tiến. Ông nêu cao trách nhiệm giữ vững chủ quyền quốc gia, cho lập bản đồ trong nước, gọi là bản đồ Hồng Đức.

Bộ luật Hồng Đức được ban hành (1470). So với các triều đại trước, có giá trị lớn về nhiều mặt bao gồm 6 quyển, 13 chương, 722 điều, toàn diện, chặt chẽ, đúng mức, quan tâm đến nguyện vọng của dân. Ông còn đặt ra 24 điều giáo hóa cho diễn giảng xuống tận dân chúng để cổ vũ thuần phong mỹ tục.

Về kinh tế: Khuyến khích nghề nông, đặt quan Hà đê xứ, khuyến nông, lập 42 đồn điền trong cả nước, ổn định, đời sống sung túc.

Lê Thánh Tông rất quan tâm đến giáo dục, thi cử mở rộng nhà thái học, lập kho bí thư, đặt lệ xướng danh, vinh quy và lập bia tiến sĩ. Triều đại của ông có nhiều nhân tài nổi tiếng như Trạng nguyên Lương Thế Vinh, Đỗ Nhuận, Châu Nhữ Trung, Ngô Sĩ Liên...

Ông cũng đã giải quyết được một số nghi án, minh oan cho Nguyễn Trãi - phục hồi danh dự, chức tước, cho tìm lại thơ văn của Nguyễn Trãi, tìm được Nguyễn Anh Vũ người con trai duy nhất sống sót, gọi về làm quan cấp cho 100 mẫu ruộng để thờ cúng.

Lê Thánh Tông là vị vua văn võ song toàn, tài ba, đã đưa chế độ phong kiến Việt Nam thời đó thịnh đạt tới đỉnh cao nhất.

Lê Thánh Tông làm vua được 38 năm, thọ 56 tuổi, có nhiều vợ, nhiều con (14 con trai, 20 con gái). Băng hà ngày 3 tháng 12 năm 1497, táng tại Chiêu Lăng.

*(Liên quan đến luật kỵ húy của thời quân chủ ở nước ta, phỏng theo các triều đại phong kiến Trung Hoa. Theo đó, tên các bậc vua chúa, cha mẹ vua, vợ vua… đều phải được thần dân tôn trọng, không ai được dùng, không được nói, không được viết, không được đặt tên cho con cháu, tên đường, tên địa phương… Bộ luật Gia Long quy định: “Kẻ nào, trong các bản viết hay trình gì với vua, mà dùng một tiếng trùng với tên vua sẽ bị phạt 80 trượng, nếu phạm trong những giấy tờ khác thì sẽ bị phạt 40 trượng, nếu dùng tên ấy đặt tên con sẽ bị phạt 100 trượng”.*

*Từ đó, đã có hàng loạt tiếng Việt phải viết chệch đi, về sau đến nay vẫn còn. Thí dụ: “Hoa” (tên bà Hoàng Quý Phi của vua Thiệu Trị) phải đổi thành “Huê” (Huê Kỳ) hay “Bông” (cầu Bông); “Mệnh” (tên vua Minh Mệnh) phải đổi thành “Mạng” (cách mạng); “Thì” và “Nhậm” (tên vua Tự Đức: Nguyễn Phúc Thì và Hồng Nhậm) phải đổi thành “Thời” và “Nhiệm” (đường Ngô Thời Nhiệm); “Tông” (tên vua Thiệu Trị: Miên Tông) phải đổi thành “Tôn” (đường Tôn Đản, đường Lê Thánh Tôn)...*

**1.2.2. 2 tháng 9**

**Tại quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản “Tuyên ngôn độc lập” tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. “Ngày 2/9/1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân tại quảng Trường Ba Đình, Hà Nội”.**

“Ngày 2/9/1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra mắt quốc dân tại Quảng Trường Ba Đình, Hà Nội. Hàng chục vạn người gồm đủ các đoàn thể, các giới… tới dự, cùng với Đội quân Giải phóng ở chiến khu mới về. 2 giờ chiều, mít tinh bắt đầu khai mạc. Hồ Chí Minh đọc lời Tuyên ngôn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp đó, toàn thể nhân viên trong Chính phủ làm lễ tuyên thệ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp trình bày về tình hình trong nước và những chính sách của Chính phủ. Tiếp đến, Trần Huy Liệu, Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền báo cáo về việc đoàn đại biểu Chính phủ đi tước ấn kiếm Bảo Đại và trình bày với quốc dân chiếc “ấn quốc bảo” và thanh kiếm vàng mà Bảo Đại mới trao trả cho Nhân dân. Nguyễn Lương Bằng, đại biểu của Tổng bộ Việt Minh nói về cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của Việt Minh và hô hào Nhân dân đoàn kết ủng hộ Chính phủ, thi hành triệt để chương trình kiến quốc của Việt Minh. Tới 3 giờ chiều, toàn thể quốc dân tuyên thệ. Sau mỗi lời thề, toàn thể đồng bào đều giơ tay hô lớn “Xin thề!” tỏ ra ý chí bền vững không gì lay chuyển nổi của cả một dân tộc đứng lên giành tự do độc lập. Cuối cùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh bước ra lễ đài một lần nữa. Người hô hào Nhân dân kiên quyết hy sinh giữ vững nền độc lập vừa mới giành được. Lễ mít tinh bế mạc biến thành một cuộc biểu tình tuần hành vĩ đại trong thành phố”.

Trong bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định trước thế giới: “Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy !”.

Ngày 2/9/1945 mãi đi vào lịch sử như một ngày độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam sau ngót một thế kỷ đô hộ của chủ nghĩa thực dân Pháp, ghi nhận chiến công của Việt Nam - một dân tộc tiên phong trong sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa trên thế giới. Ngày 2 tháng 9 trở thành ngày Quốc khánh của Nhân dân Việt Nam và đó cũng là cái mốc chấm dứt lịch sử cận đại Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới cho lịch sử dân tộc ta.

**1.2.3. Mậu Thân**

Trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, trên khắp tỉnh Trà Vinh, quần chúng đã đồng loạt nổi dậy phối hợp với lực lượng vũ trang cách mạng tiến công vào các chi khu, trong đó sôi động nhất là địa bàn Thị xã (quân ta đã chiếm giữ trung tâm đầu não địch ở tỉnh lỵ Vĩnh Bình 02 đêm 01 ngày, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 200 tên địch, bắn cháy 03 xe bọc thép,….).

Đúng 0 giờ đêm 29 rạng ngày 30/10/1968 (tức đêm 30 rạng sáng mùng 1 Tết Mậu Thân), trong khi tên Tỉnh trưởng và sĩ quan, viên chức đang tập trung ăn tết tại Dinh Tỉnh trưởng thì mũi quân của Đại đội 509 xung trận. Một trung đội do đồng chí Vàng và Tấn phụ trách, được chiến sĩ biệt động dẫn đường, bí mật nhanh chóng nổ súng vào top lính gác cổng tòa hành chính rồi tiến thẳng vào Dinh Tỉnh trưởng. Quân địch bất ngờ, hoảng hốt chạy toán loạn về hướng trung tâm chỉ huy hành quân Tiểu khu.

Khoảng 6 giờ sáng ngày 30/1/1968 (sáng mùng 1 Tết Mậu Thân), dịch cho hàng chục xe máy bay trực thăng “cá lẹp” và L.19 bắn phá và xe M113 từ lộ 7 đến cứu nguy cho Dinh Tỉnh trưởng Vĩnh Bình bị ta bắn cháy ba chiếc tại chỗ. Đến 10 giờ trưa, địch cho máy bay khu trục dội bom vào khu vực vị trí quân ta ở chùa Ông Mẹt, khu cù Lao, tuyến Tiệm Tương - Long Bình, v.v… và cho xe M.113 án ngữ giao lộ, khống chế các mũi tiến quân của ta, chia cắt các lực lượng ta ở khu vực trong và ngoài Dinh Tỉnh trưởng . Đến 11 giờ trưa, lực lượng Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 14, Sư đoàn 9 Bộ binh dịch) từ Cầu Ngang có máy bay trực thăng và L.19 yểm trợ cũng tới khu vực Hòa Thuận, vượt qua cầu Long Bình, tiến vào tiểu khu, vây quanh khu vực Tòa hành chánh và Dinh Tỉnh trưởng. Tại đây, trận chiến đấu diễn ra ác liệt suốt 7 giờ liền…

Đến 15 giờ, Bộ binh dịch kết hợp với xe M.113 phản kích ác liệt, chọc thủng khu vực phòng thủ của ta. Đại đội 509, Tiểu đoàn 501 phải lùi về cố thủ ở các khu vực chùa ông Mẹt, chùa Tri Tân, Rạp hát và bắn cháy những dãy phố xóm Cù Lao Tri Tân, v.v… Chiến trận diễn ra vô cùng quyết liệt.

Đến đêm thứ hai, Ban chỉ huy chiến dịch quyết định chuyển hướng, đưa đại bộ phận quân ta ra ngoại vi tỉnh lỵ để củng cố lực lượng, kết hợp ba mũi tấn công bao vây đồn địch, giải phóng vùng ven tỉnh lỵ để cũng cố lực lượng, kết hợp ba mũi tấn công bao vây đồn địch, giải phóng vùng ven tỉnh lỵ. Trong ngày các đơn vị lực lượng vũ trang thị xã vẫn trụ lại nội ô, đến tối mới lùi ra ven sông.

Đến đêm thứ 3, quân ta tổ chức lực lượng dùng hỏa lực tấn công sân bay Phú Vinh, đánh thiệt hại nặng kho dầu, thiêu hủy kho đạn.

Bằng sức mạnh của ba mũi giáp công, ngày 03/02/1968 Tuyến Long Bình được giải phóng. Ngày 06/02/1968 quân ta tiêu diệt đồn Sóc Ruộng, bao vây bức rút đồn U Rây. Ngày 10/02/1968 cụm tề xã Hòa Thuận bị tiêu diệt, v.v…

Như vậy, chỉ trong 10 ngày đầu tháng 2/1968, trên địa bàn Thị xã, quân ta loại khỏi vòng chiến đấu trên 1000 tên địch, thu trên trăm súng các loại, tiêu diệt ba chiếc xe bộc thép M.113, đốt cháy kho xăng, bức hàng và bức rút phần lớn đồn bót địch, v.v…

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 ở Trà Vinh đã giành được thắng lợi to lớn, ghi vào trang sử Trà Vinh những nét son chói lọi, góp phần vào thắng lợi chung của Quân khu 9 và của toàn miền Nam, làm nhục ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Với những thành tích to lớn ấy, Trung ương đã phong tặng cho Đảng bộ quân và dân Trà Vinh danh hiệu vẻ vang với tám chữ vàng *“Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công”* và *Huân chương Thành đồng Tổ quốc.*

**2. Công viên tượng đài**

**2.1. Vị trí**

Công viên tượng đài tọa lạc đường Võ Nguyên Giáp, Phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, với diện tích 1,548 ha.

**2.2. Tóm tắt sự kiện, tiểu sử nhân vật chí dự kiến đặt tên công viên**

**2.2.1. 30 tháng 4**

Ngày 30/4/1975, đại thắng mùa xuân đã làm thất bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị thực dân của đế quốc Mỹ ở miền Nam, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc vẻ vang cuộc chiến tranh cứu nước lâu dài nhất, khó khăn nhất và vĩ đại nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV tháng 12/1976 đánh giá: “Năm tháng sẽ trôi qua nhưng thắng lợi của Nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”. Đánh giá của đại tướng Võ Nguyên Giáp: “Trong quá trình cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng, ba cái móc chói lọi bằng vàng: Tổng khởi nghĩa tháng Tám, chiến thắng Điện Biên Phủ và chiến thắng mùa xuân 1975, đại thắng mãi mãi sáng ngời trong sử sách. Nhân dân Việt Nam đã làm nên câu chuyện thần kì tưởng chừng không thể làm được giữa thế kỷ XX, lần đầu tiên trong lịch sử, một dân tộc vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, kinh tế kém phát triển, đánh thắng những cường quốc, đế quốc chủ nghĩa chủ yếu bằng sức của chính mình, nêu một tấm gương anh dũng, bất khuất, trí tuệ, tài năng trước toàn thế giới”.

Đại thắng mùa xuân năm 1975, như nhận định của Đảng ta là một sự kiện quan trọng có tầm quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc, làm nức lòng bạn bè và Nhân dân tiến bộ khắp năm châu bốn biển. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại đại hội lần thứ IV cũng chỉ rõ: “Đối với thế giới, thắng lợi của Nhân dân ta đã đập tan cuộc phản công lớn nhất của tên đế quốc đầu sỏ chĩa vào các lực lượng cách mạng kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đẩy lùi trận địa của chủ nghĩa đế quốc, mở rộng trận địa của chủ nghĩa xã hội, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á, làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của chúng, đẩy Mỹ vào tình thế khó khăn chưa từng thấy, làm yếu hệ thống đế quốc chủ nghĩa, tăng thêm sức mạnh và thế tiến công của các trào lưu cách mạng thời đại, đem lại lòng tin và niềm phấn khởi cho hàng trăm triệu người trên khắp trái đất đang đấu tranh vì hòa bình độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”.

Gần bốn thập kỷ qua, trong cục diện quốc tế đã mở ra một thời kỳ mới mà Nhân dân tiến bộ gọi là “thời kỳ sau Việt Nam”, Việt Nam - ngọn cờ tiên phong, ngọn cờ vẫy gọi những người lao động nghèo khổ và các dân tộc bị áp bức trên thế giới đang đầy rẫy bất công và bạo ngược.

**2.2.2. Võ Nguyên Giáp (1911 - 2013)**

Đại tướng Võ Nguyên Giáp có tên khai sinh Võ Giáp, bí danh: Văn. Sinh ngày 25/8/1911 tại xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Từ năm 1925 đến 1926, Đại tướng tham gia phong trào học sinh ở Huế, năm 1927 tham gia Đảng Tân Việt cách mạng (một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Đông Dương, nay là Đảng Cộng sản Việt Nam). Tháng 6/1940, Đại tướng được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương và được cử sang Trung Quốc gặp lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Đầu năm 1941, Đại tướng về nước, tham gia công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang ở căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng. Tháng 12/1944, Đại tướng được đồng chí Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Từ tháng 5/1945, Đại tướng là Tư lệnh các lực lượng vũ trang cách mạng mới, thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân; tháng 6/1945, Đại tướng được đồng chí Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ thành lập Ủy ban Chỉ huy lâm thời Khu giải phóng.

Tháng 8/1945, Đại tướng được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. Tại Đại hội Quốc dân Tân Trào, Đại tướng được bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam; là Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và được bổ sung vào Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 3/1946, Đại tướng là Chủ tịch Quân sự, Ủy viên trong Chính phủ Liên hiệp; khi thành lập Quân ủy Trung ương, được cử làm Bí thư Quân ủy Trung ương. Tháng 10/1946, là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, được Chủ tịch Hồ Chí Minh ủy quyền làm Tổng Chỉ huy Quân đội Nhân dân và Dân quân tự vệ Việt Nam. Tháng 1/1948 Đại tướng được phong quân hàm Đại tướng Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Tháng 2/1951 đến tháng 12/1976 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, III, IV, V, VI của Đảng, Đại tướng được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.

Từ tháng 2/1955 đến tháng 12/1979 Đại tướng là Phó Thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Từ tháng 1/1980, Đại tướng là Phó Thủ tướng Thường trực; từ tháng 4/1981 đến tháng 12/1986, là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Phó Thủ tướng Chính phủ).

Đại tướng liên tục được bầu làm Đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa VII, do công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, uy tín lớn trong và ngoài nước, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

**3. Công viên đường Nguyễn Đáng (Trường Quân sự địa phương cũ)**

**3.1. Vị trí**

Công viên đường Nguyễn Đáng, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, với diện tích 4,563 ha.

**3.2. Tóm tắt sự kiện, tiểu sử nhân vật chí dự kiến đặt tên công viên**

**3.2.1.** **Nguyễn Đáng (1925 - 1984)**

Nguyễn Đáng, tên thường dùng là Năm Trung, sinh ngày 16/11/1925, tại Giòng Bèn, làng Huyền Hội, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo, hai cụ thân sinh là ông Nguyễn Văn Tý và bà Phạm Thị Huệ đều là tá điền.

Ông Nguyễn Đáng sinh ra trong cảnh gia đình nghèo túng, nhưng có có tư chất thông minh, bản tính hiền lành, hào hiệp, hơn 10 tuổi đã phải đi ở cho địa chủ; vừa ở đợ, vừa theo học chữ ban đêm, Nguyễn Đáng rất ham học, đọc, viết nhanh. Năm 1944 được ông Năm Tý một Đảng viên cộng sản trong xã tuyên truyền giác ngộ, Nguyễn Đáng thấy được sự đàn áp, bóc lột của địa chủ, chuyển sang nghề đánh xe thuê, ông vừa làm liên lạc nắm tình hình địch để báo lại cho cơ sở; năm 1945, Nguyễn Đáng gia nhập Thanh niên Tiền phong tích cực luyện tập võ nghệ.

Ngày 25/8/1945 ông tham gia Thanh niên Tiền phong cùng với Nhân dân Huyền Hội nổi dậy giành chính quyền, khi chính quyền cách mạng được thành lập, ông được giao nhiệm vụ phụ trách đội Thanh niên cứu quốc xã Huyền Hội. Ông làm nòng cốt trong việc vận động thanh niên tham gia lực lượng vũ trang xây dựng một trung đội du kích, có khả năng đánh địch, Nguyễn Đáng đã lãnh đạo lực lượng vũ trang xã diệt trừ tề gian, chống lại các cuộc càn quét lấn chiếm của địch. Tháng 8/1947 đồng chí Nguyễn Đáng được kết nạp vào Đảng cộng sản Đông Dương (nay là Đảng cộng sản Việt Nam) giao nhiệm vụ xã Đội trưởng; Trưởng Công an xã Huyền Hội. Năm 1951 thực dân Pháp mở nhiều cuộc càn quét vào Huyền Hội, ông cùng lực lượng du kích đánh trả quyết liệt, đồng chí Nguyễn Đáng sa vào tay giặc, bị địch tra khảo, đánh đập dã man, không khai thác được gì, chúng giam tại Trà Vinh. Vào tù ông tiếp tục hoạt động trong chi bộ nhà tù; Sau 8 tháng ở tù, nhân cuộc nổi dậy phá khám ông cùng nhiều tù nhân trốn thoát về Huyền Hội hoạt động, bám đất diệt trừ tề gian. Tháng 5/1954, đồng chí Nguyễn Đáng cử làm Bí thư xã Huyền Hội; năm 1956 là Huyện ủy viên huyện Càng Long; năm 1959 Bí thư Huyện Càng Long. Đây là thời kỳ Mỹ Diệm ban hành luật phát xít 10/59 tiến hành “tố cộng, diệt cộng” lên máy chém đi khắp nơi; tháng 3/1961 đồng chí Nguyễn Đáng, Tỉnh ủy viên kiêm Chính trị viên Tỉnh đội, năm 1965 giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh; thời gian này, Mỹ ngụy tăng cường đánh phá ác liệt. Đồng chí Nguyễn Đáng ra sức hoạt động bám dân, bám đất, lãnh đạo quân dân Trà Vinh đấu tranh chính trị, binh vận, vũ trang, kiên quyết chống lại những cuộc càn quét. Với 3 mũi giáp công, quân dân Trà Vinh giải phóng được 2/3 đất đai trong tỉnh, giải phóng hoàn toàn quận lỵ Long Toàn (nay là huyện Duyên Hải), Trung ương tặng thưởng Huân chương Quân công hạng II, là tỉnh dẫn đầu các tỉnh miền Tây là 1 trong 3 tỉnh nổi bật nhất trên chiến trường B.2.

Xuân Mậu thân 1968, sau khi lực lượng tấn công thị xã Trà Vinh không dứt điểm, đồng chí chỉ đạo cho lực lượng vũ trang rút khỏi Thị xã, để lại một bộ phận lực lượng của tỉnh bám vùng ven. Sự chuyển hướng chỉ đạo đạt kết quả tốt, địch bị kìm chân ở Thị xã. Phong trào giải phóng vùng nông thôn phát triển mạnh, 3/4 dân số trong tỉnh được giải phóng; Trung ương tặng Huân chương Thành đồng hạng Nhất, lá cờ Tám chữ vàng “Toàn dân nổi dậy, đoàn kết lập công” cho quân dân Trà Vinh.

Cuối năm 1968 đến 1971 ông là Khu ủy viên khu Tây Nam bộ, giữ trọng trách Bí thư Tỉnh ủy Trà Ban binh vận hai tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long.

Năm 1977, Bí thư Tỉnh ủy Cửu Long. Ông là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, liên tục 3 nhiệm kỳ tỉnh Đảng bộ Cửu Long giữ chức Bí thư Tỉnh ủy.

Sau cơn bệnh hiểm nghèo ngày 8/4/1984 ông đã vĩnh biệt chúng ta.

Huân chương Quyết thắng hạng Nhất; Huân chương Giải phóng hạng Nhất; Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất; Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Lao động quên mình do nhà nước Liên Xô trao tặng.

**3.2.2. Thanh niên**

Mùa xuân năm 1931, từ ngày 20 đến ngày 26/3, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 2, Trung ương Đảng đã giành một phần quan trọng trong chương trình làm việc để bàn về công tác thanh niên và đi đến những quyết định có ý nghĩa đặc biệt, như các cấp ủy Đảng từ Trung ương đến địa phương phải cử ngay các ủy viên của Đảng phụ trách công tác Đoàn.

Trước sự phát triển lớn mạnh của Đoàn trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam, ở nước ta xuất hiện nhiều tổ chức Đoàn cơ sở với khoảng 1.500 đoàn viên và một số địa phương đã hình thành tổ chức Đoàn từ xã, huyện đến tỉnh. Sự phát triển lớn mạnh của Đoàn đã đáp ứng kịp thời những đòi hỏi cấp bách của phong trào thanh niên nước ta. Đó là sự vận động khách quan phù hợp với cách mạng nước ta; đồng thời, phản ánh công lao trời biển của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh vô cùng kính yêu - Người đã sáng lập và rèn luyện tổ chức Đoàn. Được Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bác Hồ cho phép, theo đề nghị của Trung ương Đoàn thanh niên Lao động Việt Nam, Đại hội toàn quốc lần thứ 3 họp từ ngày 22 - 25/3/1961 đã quyết định lấy ngày 26/3/1931 (một ngày trong thời gian cuối của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 2, dành để bàn bạc và quyết định những vấn đề rất quan trọng đối với công tác thanh niên) làm ngày thành lập Đoàn hàng năm. Ngày 26/3 trở thành ngày vẻ vang của tuổi trẻ Việt Nam, của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh quang vinh.

Từ ngày 26/3/1931 đến nay, để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng, Đoàn đã đổi tên nhiều lần:

Từ 1931 - 1936: Đoàn TNCS Việt Nam, Đoàn TNCS Đông Dương

Từ 1937 - 1939: Đoàn Thanh niên Dân chủ Đông Dương

Từ 11/1939 - 1941: Đoàn Thanh niên phản đế Đông Dương

Từ 5/1941 - 1956: Đoàn Thanh niên cứu quốc Việt Nam

Từ 25/10/1956 - 1970: Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam

Từ 2/1970 - 11/1976: Đoàn Thanh niên lao động Hồ Chí Minh

Từ 12/1976 đến nay: Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Những thế hệ thanh niên kế tiếp nhau đã chiến đấu anh dũng vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội đã liên tiếp lập nên những chiến công xuất sắc và trưởng thành vượt bậc.

**3.2.3. Kim Đồng**

Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền, người dân tộc Nùng, quê ở thôn Nà Mạ, xã Xuân Hòa (nay là Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng).

Anh là một trong 5 đội viên đầu tiên của Đội nhi đồng Cứu quốc thôn Nà Mạ và cũng là tổ chức Đội đầu tiên của Đội ta được thành lập khi mặt trận Việt Minh ra đời (1941).

Trong buổi thành lập Đội, Kim Đồng được bầu làm Tổ trưởng. Kim Đồng là con trai út của một gia đình nông dân nghèo, bố mất sớm, anh trai tham gia cách mạng và hy sinh khi còn trẻ.

Từ năm 1940, ở quê Dền đã có phong trào cách mạng và làm quen với cách thức làm công tác bí mật, nhiều lần đưa, chuyển thư từ, đưa đường cho cán bộ lọt qua sự bao vây, canh gác của địch.

Năm 1941, Bác Hồ về Pắc Pó, Kim Đồng từng được gặp Bác ở căn cứ cách mạng. Bước sang năm 1943, bọn địch khủng bố, đánh phá dữ dội vùng Pắc Pó. Trong một lần đi liên lạc về, giữa đường gặp lính địch phục kích gần nơi có cán bộ của ta, Kim Đồng đã nhanh trí nhử cho bọn địch nổ súng về phía mình. Nhờ tiếng súng báo động ấy, các đồng chí cán bộ ở gần đó tránh thoát lên rừng. Song, Kim Đồng đã bị trúng đạn và anh dũng hy sinh tại chỗ, ngay bờ suối Lê-nin.

Hôm ấy là ngày 11 tháng giêng Âm lịch năm 1943, Anh vừa tròn 14 tuổi.

**4. Công viên Trung tâm thành phố (Sân vận động cũ)**

**4.1. Vị trí**

Công viên Trung tâm thành phố tọa lạc đường Phạm Ngũ Lão, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, với diện tích 2,332 ha.

**4.2. Tóm tắt sự kiện, tiểu sử nhân vật chí dự kiến đặt tên công viên**

**4.2.1. Dương Quang Đông (1902 - 2003)**

Dương Quang Đông, sinh năm 1902, tên thường dùng là Dung Văn Phúc; ấp Mỹ Cẩm, xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Xuất thân từ một gia đình hai cụ thân sinh ông Dương Quang Bắc và bà Trần Thị An; lúc thiếu thời cậu bé Dương Quang Đông được học ở trường Huỳnh Khương Ninh (tương đương cấp II bây giờ) ông có tư tưởng nổi loạn, chống lại nhà đương cục, rời ghế nhà trường may mắn ông gặp và kết thân với một người thợ ở xưởng đóng tàu Ba Son. Đó là Tôn Đức Thắng, người công nhân giàu lòng yêu nước hăng say hoạt động cách mạng, Dương Quang Đông mới 18 tuổi trở thành Thư ký và Trưởng Ban Giao liên của tổ chức Công Hội đỏ.

Năm 1921,Tôn Đức Thắng cử Dương Quang Đông trở về quê hương Trà Vinh vận động xây dựng tổ chức, thành lập hai tổ chức Công Hội đỏ ở Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh, năm 1927 được sự chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, tổ chức Công Hội đỏ chuyển thành Kỳ bộ Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, do Tôn Đức Thắng làm Bí thư; Dương Quang Đông là thành viên chính thức tổ chức này, được sự phân công của Bí thư Tôn Đức Thắng, Dương Quang Đông về Trà Vinh lựa chọn anh em, đồng chí ở Công Nông hội đỏ để thành lập hai Chi bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội ở Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh; năm 1930 Đảng cộng sản Đông Dương ra đời, Dương Quang Đông về Trà Vinh thành lập các chi bộ Cộng sản ở Cầu Ngang tỉnh Trà Vinh sau đó cùng các đồng chí thành lập Tỉnh ủy Trà Vinh và ông kim Bí thư Quận ủy Cầu Ngang và tham gia Xứ ủy Nam kỳ; năm 1931, trong sự kiện Lý tự Trọng bắn chết tên Chánh mật thám Lê Grand tại sân vận động Mayer, Dương Quang Đông bị bắt đưa về Trà Vinh kết án 3 năm tù, sau khi mãn hạn tù ông tham gia Xứ ủy Nam kỳ làm Trưởng ban giao liên, năm 1936 chủ trương đẩy mạnh phong trào dân chủ, đồng chí Dương Quang Đông được chỉ định tham gia Ủy ban Hành động Nam bộ Chủ tịch Ủy ban Hành động tỉnh Trà Vinh.

Năm 1940, Dương Quang Đông nhận nhiệm vụ Thường vụ Xứ ủy và phát động cuộc khởi nghĩa trên toàn Nam kỳ, cơ mưu bại lộ khi về Sài Gòn bị mật thám bắt ông và gần như toàn bộ Xứ ủy Nam kỳ đài lên tỉnh đồng Nai, đêm 27/3/1941 Dương Quang Đông cùng 7 đồng chí vượt ngục thành công, đến ngày 13/10/1943 theo sự triệu tập của Dương Quang Đông, 11 đồng chí Bí thư các tỉnh về Chợ Gạo dự Hội nghị thành lập Xứ ủy Nam kỳ, ông được bầu làm Bí thư, ngày 24/8/1945 tại Hội nghị Xứ ủy tổ chức tại Chợ Đệm, Xứ ủy Nam kỳ công bố lệnh Tổng khởi nghĩa, Dương Quang Đông cùng Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà giành lấy chính quyền trên cương vị Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Khởi nghĩa; Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám ở Trà Vinh.

Sau Hiệp định Geneve được ký kết Đảng phân công ở lại miền Nam tham gia vào Đặc khu ủy Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn phụ trách công tác binh vận; năm 1957, ông bị địch bắt, tra tấn dã man, ông vượt ngục về hoạt động vùng Phú Nhuận; từ năm 1960 đến 1964 ông vận chuyển vũ khí trên biển được Phó Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng gởi tặng một khẩu carbine. Bí thư Trung ương Cục miền Nam cũng tặng ông một chiếc đồng hồ Citizen.

Năm 1975 - 1977 ông công tác tại Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, bước sang 75 tuổi với 60 năm cống hiến liên tục ông được nghỉ hưu, được cử Chủ nhiệm câu lạc bộ qua 23 năm còn là Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt - Xô thành phố Hồ Chí Minh.

Trong 80 năm hoạt động cách mạng cụ bị bắt 7 lần và 6 năm tù của các chế độ Pháp, Mỹ, Thái Lan; được Đảng nhà nước trao tặng:

- Huy hiệu 60 năm, 70 năm tuổi Đảng.

- Huân chương Hồ Chí Minh.

- Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba.

- Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì.

- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.

- Huy hiệu Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ.

- Huy hiệu vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc...

**4.2.2.** **19 tháng 5**

Ngày 19/5/1890 là ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng và Nhân dân Việt Nam, người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người đã hiến dâng toàn bộ cuộc đời mình cho độc lập Tổ quốc, tự do dân tộc và hạnh phúc của Nhân dân.

**4.2.3. Võ Thị Sáu**

Chị tên thật là Nguyễn Thị Sáu, quê ở làng Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Mới 12 tuổi, chị đã theo anh trai tham gia hoạt động cách mạng trốn lên ở trên chiến khu. Năm 14 tuổi (1949) chị đã dùng lựu đạn giết một tên quan ba Pháp và làm bị thương 20 tên lính ngay tại vùng Đất Đỏ. Từ chiến khu trở về Bà Rịa, chị làm nhiệm vụ điều tra tình hình địch và tiếp tế cho chiến khu.

Năm 1950, chị mang lựu đạn phục kích giết tên cai tổng Tòng - một tên Việt gian bán nước, ác ôn ngay tại xã nhà. Lần đó, chị bị địch bắt. Sau gần ba năm tra tấn, giam cầm, giặc Pháp đưa chị ra giam ở Côn Đảo.

Trong ngục giam những người bị án tử hình, chị vẫn hồn nhiên, vui tươi, tin tưởng vào ngày chiến thắng của Tổ quốc.

Giặc Pháp không dám công khai thi hành bản án đối với chị Sáu. Chúng sợ các chiến sĩ cách mạng ở trong tù sẽ nổi dậy phản đối. Chúng lén lút đem chị đi thủ tiêu. Lúc một tên giết người bảo chị quỳ xuống, chị đã quát vỗ vào mặt lũ đao phủ “Tao chỉ biết đứng, không biết quỳ!”.

**5. Công viên Kiên Thị Nhẫn**

**5.1. Vị trí**

Công viên đường Kiên Thị Nhẫn, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, với diện tích 0,581 ha.

**5.2. Tóm tắt sự kiện, tiểu sử nhân vật chí dự kiến đặt tên công viên**

**5.2.1. Kiên Thị Nhẫn (1950 - 1971)**

Kiên Thị Nhẫn, sinh năm 1950, người dân tộc Khmer quê xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Chị Kiên Thị Nhẫn chiến đấu và chỉ huy đội du kích đánh giặc bảo vệ xã từ năm 1965 đến 1971. Có những lúc, một mình một trận địa, chị vẫn bền gan đánh địch. Chị Kiên Thị Nhẫn là người chỉ huy mưu trí, linh hoạt, lập nên nhiều chiến công xuất sắc. Chị đã cùng đơn vị diệt hơn 100 tên địch, thu và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh. Riêng chị Kiên Thị Nhẫn diệt 26 tên (có 3 sĩ quan), thu 16 súng. Tháng 4/1969 chị cùng 01 tổ du kích táo bạo tiến công bót địch đóng trong xã giữa ban ngày. Chỉ trong 5 phút, trận đánh kết thúc thắng lợi, làm cho địch hoang mang, giảm bớt sự hung hăng, khủng bố, đàn áp của chúng đối với Nhân dân địa phương. Đầu năm 1970, chị đang cùng tổ du kích cáng thương binh phục vụ bộ đội chiến đấu thì gặp 01 đại đội địch. Ngay phút đầu, 3 chiến sĩ trong tổ du kích bị thương, còn một mình nhưng chị không sờn chí, quyết tâm đánh địch để bảo vệ thương binh, khi dùng tiểu liên, lúc ném lựu đạn, chị đã đẩy lùi 03 đợt phản kích của giặc, diệt và làm bị thương nhiều tên, buộc chúng phải lui ra, củng cố lại đội ngũ. Lợi dụng lúc đó, chị lần lượt đưa thương binh ra khỏi khu vực trận địa được an toàn.

Tháng 7/1971, trên đường dự Đại hội Anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn Miền, Kiên Thị Nhẫn bị trúng đạn pháo kích của địch bắn chặn và hy sinh.

Chị Kiên Thị Nhẫn được tặng thưởng: Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất; Huân chương chiến công giải phóng hạng Ba, nhiều danh hiệu chiến sĩ thi đua và Dũng sĩ các loại. Ngày 06/11/1978, chị Kiên Thị Nhẫn được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**5.2.2. Sơn Thông (1910 - 1997)**

Sinh ngày 11/02/1910, bí danh Mười Tăng, quê quán tại Giồng Tranh, xã Tập Ngãi, huyện Tiểu Cần, sinh sống tại làng Nhị Trường, tổng Vĩnh Lợi, quận Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Ông là một trong những vị Ma - Ha yêu nước. Dù sống trong giới tu sĩ Phật giáo nhưng ông luôn nặng tình, nặng nghĩa với quê hương, đất nước. Khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 nổ ra, ông tham gia ngay các phong trào yêu nước.

Năm 1946, ông tham gia phong trào Thanh niên Tỉnh hội tuyên truyền Trà Vinh, tháng 7/1947 ông giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Chính trị Khmer, năm 1949 ông giữ chức vụ Hội trưởng Hội I-Sa-Rắc, ông là người hoạt động rất tích cực vì tình đoàn kết giữa hai dân tộc Việt Nam – Campuchia. Năm 1954, Ma Ha Thông được đề bạt vào Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Trà Vinh, ông được phân công phụ trách công tác Khmer vận và là một trong những cán bộ của Đảng hoạt động công khai có uy tín lớn trong đồng bào Khmer. Năm 1959, ông được Khu ủy rút lên công tác ở Ban Binh vận Khu Tây Nam bộ, năm 1967, ông là Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Khu Tây Nam bộ đồng thời là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng Khu Tây Nam bộ.

Khi thành lập tỉnh Cửu Long, ông là Tỉnh ủy viên – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và cũng là Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại biểu Quốc hội khóa VI, VII, Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội (khóa VII).

Ông được tặng thưởng các huân chương, huy chương cao quý:

- Huân chương Giải phóng hạng Nhất.

- Huân chương Quyết thắng hạng Nhất.

- Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhất.

- Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.

- Huân chương Độc lập hạng Nhất.

- Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

Năm 1952, Ủy ban hành chánh Nam bộ cấp cho ông bằng khen “Công lao xây dựng tình đoàn kết Khmer - Việt Nam”.

**Phần V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phương pháp thực hiện**

- Sau khi hoàn chỉnh dự thảo Đề án công viên, Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức lấy ý kiến bằng hình thức tổ chức họp phiếu; tổng hợp ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Thành phần lấy ý kiến: Sở ngành tỉnh có liên quan, Ban Thường vụ Thành ủy, Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố, ban ngành đoàn thể thành phố; cán bộ hưu trí và Nhân dân trên địa bàn thành phố.

**2. Kinh phí thực hiện:** Ngân sách thành phố.

**3. Tổ chức thực hiện**

**3.1. Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố**

- Phối hợp với các ngành chuyên môn của Tỉnh nghiên cứu, đề xuất tên các nhân vật lịch sử, tên danh nhân, tên các phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng tiêu biểu của địa phương đề xuất bổ sung phục vụ cho việc đặt tên công viên.

- Xây dựng đề án, kế hoạch thực hiện, dự toán kinh phí triển khai thực hiện đề án; phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

- Tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**3.2. Phòng Quản lý Đô thị:** Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố thực hiện trình chiếu mô tả hiện trạng, vị trí các tuyến đường, diện tích, vị trí các công viên dự kiến đặt tên trên địa bàn thành phố.

**3.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch:** Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố dự trù kinh phí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét và hướng dẫn đơn vị thanh quyết toán theo đúng quy định pháp luật.

**3.4. Ủy ban nhân dân phường, xã:** Phối hợp Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn phường, xã.

Trên đây là Đề án đặt tên công viên trên địa bàn thành phố Trà Vinh./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Dương Hiền Hải Đăng** |